TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-PT
Ngày: 19/01/2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Liên Anh

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Nguyễn Thị Hà Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 290/2023/TLPT-DS ngày 06/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 482/2023/QĐ-PT ngày 31/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 527/2023/QĐ-PT ngày 29/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 626/2023/QĐ-PT ngày 20/12/2023, Thông báo sửa chữa bổ sung quyết định hoãn phiên tòa số 759/2024/TB-TA ngày 02/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**; Trụ sở: 442 NMK, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Tổng Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Giám đốc xử lý nợ theo giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022 của người đại diện theo pháp luật; Bà Nguyễn Thị Thùy L theo giấy ủy quyền số 1690/UQ-CNTL.22 ngày 14/12/2022 (có mặt).

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Hương**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 7/235 phố KT, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:**

Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị H căn cứ theo:

a) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị H ký ngày 10/05/2011 và Ngân hàng duyệt 13/5/2011.

b) Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A

c) Các văn bản khác của bà Nguyễn Thị H ký với về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Chi tiết như sau:

Số thẻ tín dụng : 5459 68** **** 3776

Ngày cấp : 13/05/2011

Loại thẻ : Mastercard chuẩn

Hạn mức thẻ : 20.000.000 *(Hai mươi triệu)* đồng

Hiệu lực thẻ : Tháng 05/2014

Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 26/02/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần A đã chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Nguyễn Thị H.

Tính đến ngày 26/11/2022, bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A:

Vốn gốc : 21.052.719 đồng

Lãi quá hạn : 85.539.394 đồng

Tổng cộng : 106.592.113 đồng

Nay nguyên đơn yêu cầu:

1. Bà Nguyễn Thị H trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/11/2022 là 106.592.113 đồng *(Bằng chữ: Một trăm linh sáu triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, một trăm mười ba đồng)*, trong đó: vốn gốc 21.052.719 đồng, lãi quá hạn 85.539.394 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện

sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A, tính kể từ ngày 27/11/2022 đến ngày trả dứt nợ.

3.Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn và phí.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có phản hồi cũng như không đến Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Đề nghị Tòa án buộc: Bà Nguyễn Thị H trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 28/04/2023 là 110.430.918 đồng *(Một trăm mười triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, chín trăm mười tám đồng)*, trong đó: vốn gốc 21.052.719 đồng, lãi quá hạn 89.378.119 đồng.

Bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A, tính kể từ ngày 28/04/2023 đến ngày trả dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc đòi bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ phát sinh theo *Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng* ký kết ngày 10/05/2011.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần A các khoản tiền tính đến ngày 24/04/2023 số tiền là: 98.032.210đồng *(Chín mươi tám triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng)*. Gồm: Nợ gốc là 17.995.919 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.056.800 đồng; tiền lãi quá hạn là 76.979.491đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.888.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 620.000 đồng , được trừ vào số tiền 2.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0071437 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Nay được hoàn lại 1.980.000 đồng tạm ứng án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A(Ngân hàng thương mại cổ phần A) kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu

sửa bản án sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, cụ thể như sau:

Buộc bà H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 28/4/2023 là 110.430.918 đồng. Trong đó nợ gốc: 21.052.719 đồng và nợ lãi quá hạn: 89.378.199 đồng. Ngoài ra, bà H còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2023 đến ngày trả hết nợ.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vắng mặt lần thứ ba không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội, xác định lại số nợ gốc bà H phải trả ngân hàng là: 19.949.157 đồng. Ngoài ra, bà H còn phải trả ngân hàng số nợ lãi trong hạn, phí, lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*****Về thủ tục: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Ngân hàng TMCP A khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại số 7/235 phố KT, quận ĐĐ, Hà Nội về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận ĐĐ thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Đây là phiên tòa mở lần thứ ba bị đơn vắng mặt nên hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn

[2.1]. Ngày 10/05/2011, Bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A). Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng Master card chuẩn cho bà Nguyễn Thị H với hạn mức 20.000.000 đồng. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng

là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Theo bản án sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội đã xác định: Quá trình sử dụng thẻ, bà H đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 20/12/2011 số tiền dư nợ gốc là 17.995.919 đồng. Tính đến ngày 26/02/2013 bà H còn nợ số tiền là 21.052.719 đồng (nợ gốc là: 17.995.919 đồng, lãi trong hạn và các loại phí là 3.056.800 đồng). Nhưng Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà H trả số nợ gốc là 21.052.719 đồng bao gồm cả phần lãi trong hạn và các loại phí là chưa chính xác. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 5 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng về xác định "số dư nợ", nhưng không phù hợp với quy định về "dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn" tại điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước dẫn đến lãi chồng lãi. Do đó, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP A, xác nhận số nợ gốc mà bà Nguyễn Thị H còn nợ ngân hàng là 17.995.919 đồng.

Tuy nhiên, do tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn xuất trình các tài liệu sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị H còn thiếu nên dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H đã thực hiện các giao dịch đến ngày 20/12/2011 là: 17.995.919 đồng và từ đó xác định nợ gốc của bà H là 17.995.919 đồng là không chính xác.

Quá trình giải quyết tại tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn đã nộp đủ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội các bản sao kê chi tiết giao dịch của bà H đã xác định được số tiền nợ gốc của bà H đến ngày 26/02/2013 (ngày chuyển nợ quá hạn) là: 19.482.614 đồng. Đồng thời, đến 26/02/2013 thì số tiền lãi trong hạn và phí là: 1.570.105 đồng. Việc Ngân hàng thương mại cổ phần A nhập tiền lãi và phí vào gốc để tính thành nợ gốc: 21.052.719 là chưa đúng với quy định pháp luật.

Do vậy, căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, căn cứ vào các bản sao kê chi tiết giao dịch của bà Nguyễn Thị H do Ngân hàng cung cấp, Tòa án cấp phúc thẩm xác định số nợ gốc bà H còn nợ và phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A là: 19.482.614 đồng.

[2.2]. Đối với số tiền lãi trong hạn và các loại phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực mà bà Nguyễn Thị H chưa trả, căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, Điều 5 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải trả Ngân hàng TMCP A số tiền lãi trong hạn và các loại phí là 1.570.105 đồng.

[2.3]. Do số nợ gốc được xác định là: 19.482.614 đồng. Nên số nợ lãi quá hạn được xác định như sau:

Về lãi suất từ ngày 26/02/2013 đến 12/06/2017 được áp dụng lãi suất trong hạn là 25,8%/năm theo Quyết định số 1327/2019/NVQĐ-TTT.11 ngày 11/11/2019. Từ ngày 12/6/2017 đến nay lãi suất được áp dụng là 29%/năm theo Thông báo số 374/NVCV-TTT.17 ngày 09/6/2017 v/v cập nhật Biểu phí, lãi suất của các loại thẻ Ngân hàng thương mại cổ phần A phát hành. Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Tòa án xác định số tiền lãi quá hạn từ ngày 26/02/2013 đến ngày 12/6/2017 là:

19.482.614 đồng x (38,7%:12:30) x1567 = 32.818.950 đồng

Từ ngày 12/6/2017 đến ngày 01/01/2018 là:

19.482.614 đồng x (43,5%:12:30) x 203 = 4.778.923 đồng

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/04/2023 là:

19.482.614 đồng x (43,5%:12:30) x 1943 = 45.741.119 đồng

Tổng tiền lãi quá hạn bà H phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần A là:

32.818.950 đồng + 4.778.923 đồng + 45.741.119 đồng = 83.338.992 đồng

* Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm và buộc bà H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, phí, lãi quá hạn:

19.482.614 đồng + 1.570.105 đồng + 83.338.992 đồng = 104.391.711 đồng.

Số tiền ngân hàng không được chấp nhận yêu cầu là: 110.430.918 đồng – 104.391.711 đồng = 6.039.207 đồng.

[3]. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 104.391.711 đồng x5% = 5.219.585 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Aphải chịu án phí đối với yêu cầu về lãi không được chấp nhận: 6.039.207 đồng x5% = 301.960 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn sau khi trừ đi số tiền án phí nguyên đơn phải chịu.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội về cơ bản là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong Hợp đồng tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP A. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số số 56/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc đòi bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 10/05/2011 (được Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp thẻ tín dụng 13/5/2011).

2. Buộc bà Nguyễn Thị H trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần A các khoản tiền tính đến ngày 28/04/2023 số tiền là:

- Nợ gốc: 19.482.614 đồng (mười chín triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm mười bốn đồng).

- Nợ lãi trong hạn, phí: 1.570.105 đồng (một triệu, năm trăm bẩy mươi nghìn, một trăm linh năm đồng)

- Nợ lãi quá hạn: 83.338.992 đồng (tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng).

Tổng cộng: 104.391.711 đồng (một trăm linh bốn triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, bẩy trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.219.585 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải chịu án phí sân sự sơ thẩm là: 301.960 đồng, được trừ vào số tiền 2.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0071437 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội. Nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được hoàn lại 1.980.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP A 300.000 đồng

tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0071932 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận ĐĐ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ;
- Chi cục THADS quận ĐĐ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh